

Số: /BC -BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)** *(Báo cáo phục vụ thẩm định của Bộ Tư pháp)*

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi). Trên cơ sở kết quả rà soát, Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo như sau:

#### **I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ RÀ SOÁT VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC (SỬA ĐỔI)**

Rà soát pháp luật là việc xem xét, đối chiếu, đánh giá các quy định của văn bản được rà soát với văn bản là căn cứ để rà soát, tình hình phát triển kinh tế - xã hội nhằm phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

Tài nguyên nước đóng một vai trò đặc biệt quan trọng, là thành phần thiết yếu của sự sống và môi trường, là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của quốc gia. Tài nguyên nước đang ngày càng khan hiếm, suy giảm cả về số lượng và chất lượng, kèm theo đó hạn hán và lũ lụt xảy ra gay gắt ở cả quy mô, mức độ và thời gian trong khi nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng. Thực tế đó đòi hỏi phải có quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

Kết quả thực hiện chính sách pháp luật Tài nguyên nước gần 24 năm qua (từ khi có Luật Tài nguyên nước năm 1998 cho đến nay) cho thấy giai đoạn khi nhà nước ta ban hành và thực hiện Luật Tài nguyên nước năm 1998 và Luật Tài nguyên nước năm 2012 được thực thi đến năm 2017, thì các quan hệ giữa Luật Tài nguyên nước và pháp luật có liên quan tương đối ổn định, không có tình trạng mâu thuẫn chồng chéo.

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, mọi văn bản khi ban hành phải bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất. Các văn bản này đều phải tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật hiện hành và thống nhất với các văn bản pháp luật khác trong hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam và cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, quá trình tổng kết thi hành Luật Tài nguyên nước cho thấy vẫn còn nhiều luật có liên quan đến tài nguyên nước có nội dung còn chồng chéo, mâu thuẫn với Luật Tài nguyên nước như Luật Thủy lợi, Luật Đê điều, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Luật Đầu tư... Luật Thủy lợi quy định nhiều nội dung đã được Luật

Tài nguyên nước quy định chung cho nguồn nước bao gồm cả một số loại hình công trình thủy lợi. Việc quản lý, vận hành các công trình, hệ thống công trình thủy lợi nhiều trường hợp đã đồng nhất khái niệm hệ thống công trình thủy lợi là bao gồm cả về nguồn nước, dòng sông dẫn đến chông chéo trong quá trình thực thi, không rõ đối tượng quản lý, dẫn đến nhiều bộ, ngành, địa phương cùng quản lý một đối tượng hoặc không rõ trách nhiệm trong quản lý công trình và quản lý tài nguyên nước. Đồng thời, trùng lặp, khó khăn trong việc triển khai công tác điều tra cơ bản quy định tại Điều 9 Luật Thủy lợi và công tác điều tra cơ bản quy định tại Điều 12 Luật Tài nguyên nước. Ngoài ra, một số Luật khác cũng có những giao thoa, chông chéo với Luật Tài nguyên nước. Đây là một trong những nguyên nhân tạo ra bất cập, hạn chế trong quá trình tổ chức thi hành Luật Tài nguyên nước thời gian qua. Do vậy, đòi hỏi phải có sự rà soát dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) để tránh những chông chéo gây khó khăn trong quá trình thực thi.

## II. CÁC VĂN BẢN ĐƯỢC RÀ SOÁT

**1. Các luật, bộ luật đang có hiệu lực thi hành có chứa đựng quy phạm tài nguyên nước:** Cơ quan soạn thảo đã tiến hành rà soát **48** luật, bộ luật, Nghị quyết có chứa đựng quy phạm tài nguyên nước và Điều ước quốc tế về tài nguyên nước mà Việt Nam là thành viên, cụ thể gồm các văn bản sau:

- Nhóm các luật về đầu tư gồm **03** luật: (3) Luật Đầu tư công; (4) Luật Đầu tư; (3) Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- Nhóm các luật về quy hoạch gồm **03** luật: (1) Luật Quy hoạch; (2) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; (3) Luật Quy hoạch đô thị.

- Nhóm các luật có liên quan đến tài nguyên, môi trường gồm **08** luật: (1) Luật Đất đai; (2) Luật Khoáng sản; (3) Luật Bảo vệ môi trường; (4) Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; (5) Luật Đa dạng sinh học; (6) Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật; (7) Luật Hóa chất; (8) Luật Đo đạc và bản đồ;

- Nhóm các luật có liên quan đến hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước gồm Bộ Luật Dân sự và **08** luật: (1) Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; (2) Luật Điện lực; (3) Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; (4) Luật Xây dựng; (5) Luật Thủy lợi; (6) Luật Du lịch; (7) Luật Lâm nghiệp; (8) Luật Thủy sản;

- Nhóm các luật về tài chính, ngân sách gồm **06** luật: (1) Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; (2) Luật Thuế bảo vệ môi trường; (3) Luật Thuế tài nguyên; (4) Luật Ngân sách Nhà nước; (5) Luật Giá; (6) Luật Phí, lệ phí;

- Nhóm các Luật liên quan đến phòng, chống thiên tai gồm **03** luật: (1) Luật Đê điều; (2) Luật Phòng chống thiên tai; (3) Luật Khí tượng thủy văn;

- Nhóm các luật về tư pháp, tổ chức bộ máy và các luật có liên quan khác gồm Bộ luật Hình sự, **13** luật, 01 Nghị quyết: (1) Luật Tiếp cận thông tin; (2) Luật Biên giới Quốc gia; (3) Luật An ninh Quốc gia; (4) Luật Công nghệ thông tin; (5) Luật Thanh tra; (6) Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; (7) Luật Bảo vệ bí mật nhà

nước; (8) Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản; (9) Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; (10) Luật Xử lý vi phạm hành chính; (11) Luật Tổ chức Chính phủ; (12) Luật Tổ chức chính quyền địa phương; (13) Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Nhóm các điều ước quốc tế về tài nguyên nước mà Việt Nam là thành viên: (1) Hiệp định Hợp tác Phát triển Bên vững lưu vực sông Mê Công ký năm 1995 giữa Chính phủ Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Thái Lan; (2) Công ước của Liên hợp quốc về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho các mục đích phi giao thông thủy năm 1997.

## **2. Các dự thảo Luật đã có trong chương trình xây dựng luật của Quốc hội năm 2022 và 2023 được rà soát**

- Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi);
- Dự thảo Luật Giá (sửa đổi).

## **3. Các Nghị định được rà soát**

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ quy định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

**4. Kết quả rà soát các luật, bộ luật có liên quan đến Luật Tài nguyên nước năm 2012** được thể hiện chi tiết tại phụ lục kèm theo Báo cáo này. Trên cơ sở kết quả rà soát, dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) đã sửa đổi, bổ sung thống nhất, đồng bộ với các luật, bộ luật có liên quan, tập trung vào các nhóm vấn đề sau:

1) Về phạm vi và đối tượng áp dụng về cơ bản không thay đổi so với pháp luật hiện hành chỉ bổ sung thêm nội dung phát triển tài nguyên nước trong phạm vi điều chỉnh. Tuy nhiên, hiện có nhiều luật có chứa đựng quy phạm về tài nguyên nước nên dự thảo Luật đã quy định nội dung về áp dụng pháp luật để tránh xung đột pháp luật khi cùng điều chỉnh một quan hệ xã hội.

2) Sửa đổi, bổ sung quy định về thời điểm lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước để thống nhất, đồng bộ với Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công. Bổ nội dung về cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước để thống nhất, đồng bộ với Luật Bảo vệ môi trường.

3) Về điều tra cơ bản tài nguyên nước, bổ sung các quy định nhằm phân định rõ trách nhiệm quản lý nguồn nước và trách nhiệm quản lý công trình khai thác, sử dụng của các Bộ, ngành, địa phương. Hướng tới quản lý tài nguyên nước

trên nền tảng công nghệ số, thống nhất về cơ sở dữ liệu, xây dựng bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định theo thời gian thực, giảm thiểu nhân lực quản lý, vận hành, chi phí đầu tư của nhà nước.

4) Bổ sung các quy định trong quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ nguồn nước, theo đó có những quy định dẫn chiếu áp dụng pháp luật về thủy lợi, pháp luật về giao thông thủy trong cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước.

5) Bổ sung, cập nhật quy định theo hướng kiểm soát toàn diện các hoạt động có ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến nguồn nước, ô nhiễm nguồn nước, bảo vệ môi trường, cảnh quan, hệ sinh thái ven sông,... theo hướng những nội dung đã được Luật Bảo vệ môi trường quy định thì không quy định nhắc lại mà dẫn chiếu áp dụng.

6) Bổ sung quy định về phân vùng chức năng nguồn nước, dòng chảy tối thiểu, ngưỡng khai thác nước dưới đất; quy định nội dung giám sát, trách nhiệm giám sát và kết nối dữ liệu giám sát của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước theo hướng tự động liên tục hoặc định kỳ đảm bảo giám sát khai thác, sử dụng nước của công trình... nhằm kiểm soát chặt chẽ các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước để bảo vệ số lượng, chất lượng của nguồn nước và bảo vệ các dòng sông.

7) Về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, dự thảo Luật xây dựng theo hướng tách bạch quản lý tổng hợp thống nhất về tài nguyên nước với quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước (công trình thủy lợi, thủy điện, cấp nước đô thị, nông thôn, cấp nước công nghiệp dịch vụ, giao thông thủy...); đồng thời, giải quyết những chồng chéo, đan xen, xung đột, có lỗ hổng trong các luật.

8) Bổ sung quy định theo hướng tài nguyên nước là một loại tài sản đặc biệt được quản lý thống nhất giữa pháp luật về tài nguyên nước và pháp luật tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công. Theo đó, chuyển dần từ quản lý bằng công cụ hành chính sang quản lý bằng công cụ kinh tế thông qua các quy định về phí, lệ phí, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm của người khai thác, sử dụng nước.

9) Bỏ quy định về Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước trong dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

Ngoài ra, còn một số nội dung được chỉnh sửa, bổ sung mới như: Hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên nước; bảo vệ nước dưới đất; bổ sung nhân tạo nước dưới đất; Phòng, chống hạn hán, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo; Bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, hồ; phương án xử lý đối với các công trình khai thác sử dụng nước kém hiệu quả gây suy thoái cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước. Bỏ quy định về điều kiện của đơn vị tư vấn lập quy hoạch, điều tra cơ bản tài nguyên nước.

Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 gồm 10 chương với 79 điều, quy định việc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) gồm 10 chương với 87 điều, quy định việc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung

Chương II. Điều tra cơ bản, chiến lược, quy hoạch về tài nguyên nước

Chương III. Bảo vệ tài nguyên nước

Chương IV. Điều hoà, phân phối và khai thác, sử dụng tài nguyên nước

Chương V. Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Chương VI. Công cụ kinh tế, chính sách và nguồn lực cho tài nguyên nước

Chương VII. Hợp tác quốc tế về tài nguyên nước

Chương VIII. Trách nhiệm quản lý tài nguyên nước

Chương IX. Thanh tra chuyên ngành tài nguyên nước, giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước

Chương X. Điều khoản thi hành

### **III. KẾT QUẢ RÀ SOÁT**

#### **1. Về đối tượng, phạm vi điều chỉnh**

Dự thảo Luật quy định phạm vi điều chỉnh trên cơ sở kế thừa quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012. Tuy nhiên, qua kết quả rà soát có **48** bộ luật, luật, Nghị quyết của Quốc hội và **02** điều ước quốc tế có nội dung quy định đề cập đến vấn đề tài nguyên nước, trong đó có **11** luật, có nội dung giao thoa với Luật Tài nguyên nước (chi tiết tại Phụ lục 1). Để đảm bảo không trùng lặp phạm vi điều chỉnh giữa Luật Tài nguyên nước và các luật, bộ luật có liên quan, dự thảo Luật đã bổ sung quy định về áp dụng pháp luật (khoản 1 Điều 87), cụ thể như sau:

#### *“1. Áp dụng pháp luật*

*a) Quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra phải thực hiện theo quy định của Luật này và các luật khác có liên quan. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật này với các luật khác về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; điều tra cơ bản; quy hoạch về tài nguyên nước; bảo vệ tài nguyên nước; điều hoà, phân phối tài nguyên nước; khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống hạn hán thiếu nước, lũ lụt, ngập úng nhân tạo; phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ; tài chính về tài nguyên nước; điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng nước; thủ tục hành chính về tài nguyên nước thì thực hiện theo quy định của Luật Tài nguyên nước;*

*b) Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật Tài nguyên nước có hiệu lực thi hành mà có quy định về bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng,*

*chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra thì phải phù hợp với quy định của Luật Tài nguyên nước;*

*c) Việc giải quyết các quan hệ về tài nguyên nước phải căn cứ vào chính sách, pháp luật về tài nguyên nước tại thời điểm xảy ra hành vi quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.”.*

Việc bổ sung quy định về áp dụng pháp luật trong dự thảo Luật là hết sức cần thiết nhằm giải quyết những xung đột, chồng chéo, thiếu thống nhất giữa các pháp luật đã chỉ ra tại Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 “*Công tác quản lý nhà nước còn nhiều bất cập, thiếu thống nhất; thể chế, chính sách chậm được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện*”; đồng thời, cũng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật<sup>1</sup>; đảm bảo Luật Tài nguyên nước là đạo luật trung tâm điều chỉnh các quan hệ có liên quan đến quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

Qua rà soát hiện nay vẫn còn một số luật có mối quan hệ giao thoa với Luật Tài nguyên nước, cụ thể:

- Luật Thủy lợi có giao thoa với Luật Tài nguyên nước về công trình thủy lợi là nguồn nước như hồ chứa nước, kênh, rạch thủy lợi; về nội dung thu thập thông tin, quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng nước, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn... trong công tác điều tra cơ bản; về phạm vi và cấm mốc phạm bảo vệ công trình thủy lợi đối với các hồ chứa thủy lợi; về quản lý hồ chứa, Luật Tài nguyên nước quy định đối với các dự án xây dựng hồ chứa trên sông, suối phải có các hạng mục công trình để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu. Tuy nhiên, đối với các công trình hồ chứa thủy lợi, Luật Thủy lợi không yêu cầu phải có hạng mục này và cũng không dẫn chiếu áp dụng pháp luật khác đã gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo quy định điều tra tài nguyên (trong đó có tài nguyên nước) ở phạm vi vùng đất ven biển. Theo đó, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo có thể thấy, một phần đối tượng điều tra về tài nguyên nước trùng với đối tượng điều tra trong lĩnh vực tài nguyên nước tại phạm vi các xã, phường, thị trấn có biển.

---

<sup>1</sup> Khi ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan ban hành văn bản phải đồng thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật do mình đã ban hành trái với quy định của văn bản mới đó; trường hợp chưa thể sửa đổi, bổ sung ngay thì phải xác định rõ trong văn bản mới danh mục văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật do mình đã ban hành trái với quy định của văn bản quy phạm pháp luật mới và có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung trước khi văn bản quy phạm pháp luật mới có hiệu lực.

Trường hợp văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật do mình đã ban hành có quy định khác với văn bản mới nhưng cần tiếp tục được áp dụng thì phải được chỉ rõ trong văn bản mới đó.”

Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất tiếp tục rà soát để hoàn thiện quy định này để điều chỉnh với các Luật có mối quan hệ giao thoa như đã nêu ở trên.

## **2. Về lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước**

Trên cơ sở kế thừa quy định tại Điều 7 Luật Tài nguyên nước 2012 và kết quả rà soát, dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) đã bổ sung đối tượng phải lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước gồm cả các dự án có ảnh hưởng lớn đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.

Đồng thời, sửa đổi thời điểm lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo hướng: tổng hợp, tiếp thu, giải trình bằng văn bản và gửi kèm theo hồ sơ cấp phép. Theo đó, việc lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư sẽ thực hiện trong giai đoạn trước khi cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước để đảm bảo thống nhất với pháp luật về đầu tư, đầu tư công.

Dự thảo Luật cũng bỏ nội dung lấy ý kiến đối với hoạt động xả nước thải vào nguồn nước có quy mô lớn để thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

## **3. Về điều tra cơ bản tài nguyên nước**

Trên cơ sở kế thừa quy định tại Điều 12, Điều 13 Luật Tài nguyên nước năm 2012 và kết quả rà soát, dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) đã quy định về hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước (Điều 13) và tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước (Điều 14) theo đó, dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung các quy định về điều tra cơ bản tài nguyên nước theo hướng quy định rõ các hoạt động thuộc đối tượng điều tra định kỳ thường xuyên và không định kỳ. Quy định trách nhiệm tổ chức, cá nhân phải cập nhật kết quả thực hiện vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; (Điều Điều 13, Điều 14). Dự thảo Luật cũng đã quy định rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương trong hoạt động điều tra cơ bản. Qua quá trình rà soát cho thấy:

- Luật Thủy lợi:

+ Tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 9 quy định:

*“d) Thu thập thông tin, quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng nước, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, lũ, ngập lụt, úng, bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi, bờ sông, bờ biển phục vụ hoạt động thủy lợi;*

*đ) Tác động của biến đổi khí hậu, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, lũ, ngập lụt, úng, bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi, bờ sông, bờ biển, hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trên lưu vực sông đến hoạt động thủy lợi.”.*

Đồng thời, tại khoản 3 Điều 9, điểm e khoản 2 Điều 56 đã giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện điều tra cơ bản về số lượng, chất lượng nước đối với cả các nguồn nước không chỉ trong hệ thống công trình thủy lợi.

+ Tại khoản 3, 4 Điều 9 quy định:

*“3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức điều tra cơ bản thủy lợi, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức điều tra cơ bản thủy lợi trên địa bàn.*

*4. Thẩm quyền phê duyệt, công bố và quản lý kết quả điều tra cơ bản thủy lợi được quy định như sau:*

*a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt, công bố và quản lý kết quả điều tra cơ bản thủy lợi do Bộ tổ chức điều tra;*

*b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, công bố và quản lý kết quả điều tra cơ bản thủy lợi do Ủy ban tổ chức điều tra.”.*

+ Điều a khoản 1 Điều 20 quy định:

a) Thu thập thông tin dự báo khí tượng thủy văn; đo đạc, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực; quan trắc, dự báo, cảnh báo lũ, ngập lụt, úng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, số lượng, chất lượng nước; kiểm kê nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi, phân tích nhu cầu sử dụng nước;

- Luật Quản lý tài sản công tại khoản 1 Điều 120 quy định:

*“1. Tài nguyên phải được giao cho cơ quan nhà nước quản lý, được thống kê, kiểm kê, ghi chép, theo dõi theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.”.* Tại khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 70 Quốc hội đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện công tác điều tra cơ bản tài nguyên nước, các Bộ, ngành thực hiện điều tra cơ bản, lập báo cáo tình hình sử dụng nước của ngành mình gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp để đảm bảo tính thống nhất về quản lý tài nguyên nước.

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (Mục 1, Chương 3) Quy định điều tra tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, theo đó: Tài nguyên biển và hải đảo bao gồm tài nguyên sinh vật và tài nguyên phi sinh vật thuộc khối nước biển, đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, vùng đất ven biển và quần đảo, đảo, bãi cạn lúc chìm lúc nổi, bãi ngầm (sau đây gọi chung là hải đảo) thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam (khoản 1 Điều 3 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo). Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 19/6/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, thì vùng đất ven biển bao gồm các xã, phường, thị trấn có biển.

Với quy định nêu trên của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo có thể thấy, một phần đối tượng điều tra về tài nguyên nước trùng với đối tượng điều tra trong lĩnh vực tài nguyên nước tại phạm vi các xã, phường, thị trấn có biển.

Dự thảo Luật đã quy định làm rõ trách nhiệm thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước và sự phối hợp thực hiện của các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, dự thảo Luật chưa làm rõ sự giao thoa về phạm vi điều tra cơ bản tài nguyên nước với phạm vi điều tra tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo quy định của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.



Cơ quan chủ trì soạn thảo cho rằng nội dung giao thoa này không dẫn đến sự mâu thuẫn, chông chéo. Hơn nữa, việc thực hiện điều tra cơ bản của lĩnh vực biển và hải đảo được thực hiện trên cơ sở dự án, đề án có sự rà soát chặt chẽ, tránh trùng lặp và kế thừa kết quả điều tra cơ bản của các ngành, lĩnh vực khác.

#### **4. Về quy hoạch về tài nguyên nước**

Trên cơ sở kế thừa các quy định tại Luật Tài nguyên nước năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung các quy định về quy hoạch về tài nguyên nước (từ Điều 16 đến Điều 24) theo hướng (1) quy định rõ các nguyên tắc, căn cứ lập quy hoạch thời kỳ quy hoạch và trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh (2) quy định nội dung của quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh theo hướng đơn giản hóa và phù hợp hơn với thực tiễn; (3) đơn giản hoá nhiệm vụ lập quy hoạch theo hướng nhiệm vụ lập quy hoạch phù hợp với thực tế và Luật Quy hoạch, bỏ các nội dung trùng lặp với nội dung lập quy hoạch; (4) quy định về rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh theo hướng quy hoạch được rà soát theo định kỳ 05 năm để điều chỉnh và quy định các trường hợp mà quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh được điều chỉnh; (5) quy định rõ thời gian phải công bố quy hoạch, đăng tải trên cổng thông tin điện tử; quy định thông tin, dữ liệu, công cụ phục vụ xây dựng quy hoạch phải được quản lý trên nền tảng công nghệ số, được cập nhật thường xuyên, liên tục.

Dự thảo Luật cũng đã rà soát, bãi bỏ điều kiện, năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch về tài nguyên nước để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia lập quy hoạch, không giới hạn về điều kiện năng lực, từ đó đề xuất sửa lại Phụ lục IV (Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện) của Luật Đầu tư theo hướng bỏ ngành nghề có số thứ tự 214 tại Danh mục nêu trên.

Dự thảo Luật cũng đã rà soát, bãi bỏ một số nội dung quy định về quy hoạch về tài nguyên nước tại Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật có liên quan đến quy hoạch để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Quy hoạch, cụ thể như sau:

- Bổ sung nguyên tắc: Quy hoạch về tài nguyên nước là một trong những cơ sở cho việc lập các quy hoạch ngành quốc gia có khai thác, sử dụng nước, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác có khai thác, sử dụng nước, kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt.

- Bổ sung quy định về cơ quan có thẩm quyền lập quy hoạch tài nguyên nước quốc gia:

*“1. Nội dung, lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch tài nguyên nước quốc gia, thời kỳ quy hoạch tài nguyên nước quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.*

*2. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập quy hoạch tài nguyên nước quốc gia.”*

- Bổ sung quy định về công bố quy hoạch: Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố quy hoạch, đăng tải thường xuyên, liên tục quy hoạch trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời thông báo đến Bộ, ngành, địa phương liên quan. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc lưu vực sông lập quy hoạch đăng tải thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử của địa phương. Các hoạt động công bố thông tin phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

- Bổ sung quy định về thông tin, dữ liệu, các bộ công cụ để phục vụ xây dựng quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh: Các thông tin dữ liệu, các bộ công cụ để phục vụ xây dựng quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh phải được quản lý trên nền tảng công nghệ số, được cập nhật thường xuyên, liên tục để hỗ trợ quá trình ra quyết định việc điều hoà, phân bổ tài nguyên nước trên các lưu vực sông và phải được kết nối vào hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu tài nguyên nước.

- Sửa đổi quy định về chấp thuận bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước bằng quy định: Đối với các quy hoạch, quy hoạch điều chỉnh có nội dung liên quan về khai thác, sử dụng nước hoặc bố trí, bổ sung, điều chỉnh công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước do các Bộ, ngành lập phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước có thẩm quyền thẩm định về khai thác, sử dụng nước và việc bố trí, bổ sung, điều chỉnh công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của Chính phủ trước khi phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Qua rà soát cho thấy:

- Liên quan đến nguồn nước thì nội dung về nguồn nước, dự báo nguồn nước trong nội dung quy hoạch của dự thảo Luật giao thoa với nội dung phân tích, đánh giá điều kiện về nguồn nước, dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển, nguồn nước trong bối cảnh chịu tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai của Luật Thủy lợi (khoản 4 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch sửa đổi, bổ sung Điều 13 của Luật Thủy lợi). Tuy nhiên, sự giao thoa này là cần thiết, vì quy hoạch thủy lợi là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước nên cần phải đánh giá được hiện trạng nguồn nước và dự báo được kịch bản để xây dựng phương án khai thác, sử dụng nước phục vụ thủy lợi.

- Liên quan đến đối tượng quy hoạch là tài nguyên nước trong quy hoạch về tài nguyên nước của dự thảo Luật có giao thoa với đối tượng là tài nguyên trong phạm vi vùng bờ của quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ. Tuy nhiên, sự giao thoa này là cần thiết vì hai lĩnh vực tuy chung đối tượng là tài nguyên nước tại khu vực vùng bờ nhưng mục đích hướng tới là khác nhau, trong khu vực vùng bờ phải có đối tượng là tài nguyên nước để đảm bảo khoanh vùng khai thác, bảo vệ phòng, chống sạt, lở bờ biển.

## **5. Về phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, Ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước và phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt**

Trên cơ sở kế thừa các quy định tại Điều 26, Điều 27 của Luật Tài nguyên nước năm 2012, dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung các quy định về phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước và phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt. Theo đó, dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung và dẫn chiếu áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, cụ thể như sau:

- Bổ sung quy định dẫn chiếu áp dụng pháp luật bảo vệ môi trường để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ: Nước thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải được thu gom xử lý, kiểm soát và có các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; Ao, hồ chứa nước thải, khu chứa nước thải phải thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm không gây ô nhiễm nguồn nước.

- Dự thảo Luật đã quy định rõ việc phục hồi nguồn nước: Phục hồi nguồn nước nhằm khôi phục chức năng nguồn nước, đảm bảo an sinh xã hội và các giá trị về kinh tế, sinh thái, giá trị văn hoá, lịch sử gắn liền với nguồn nước. Việc phục hồi nguồn nước thông qua điều chỉnh chế độ vận hành, bổ sung, nâng cấp các công trình điều tiết, khai thác để cải thiện khả năng lưu thông dòng chảy, số lượng, chất lượng của nguồn nước, khả năng bổ sung nhân tạo nước dưới đất; giảm thiểu mức độ ô nhiễm; khôi phục hệ sinh thái tự nhiên và các giá trị về kinh tế, sinh thái, giá trị văn hoá, lịch sử gắn liền nguồn nước.

Kinh phí phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm được bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, quỹ bảo vệ môi trường, nguồn tự chi trả của đối tượng gây suy thoái, ô nhiễm nguồn nước, nguồn đóng góp của tổ chức, cá nhân. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm.

Đồng thời, dẫn chiếu áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường đối với việc phòng ngừa, ứng phó, khắc phục, phục hồi môi trường sau sự cố ô nhiễm nguồn nước thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

## **6. Về thiết lập hành lang bảo vệ nguồn nước**

Trên cơ sở kế thừa các quy định tại Điều 31 của Luật Tài nguyên nước năm 2012, dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước. Theo đó, dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, cụ thể như sau:

- Bổ sung quy định về chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước đã được quy định tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước:

*“1. Hành lang bảo vệ nguồn nước được lập để thực hiện các chức năng sau đây:*

- a) Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước;
- b) Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước;
- c) Bảo vệ, bảo tồn và phát triển hệ sinh thái thủy sinh, các loài động, thực vật tự nhiên ven nguồn nước;

d) Tạo không gian cho các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, bảo tồn và phát triển các giá trị về lịch sử, văn hóa, du lịch, tín ngưỡng liên quan đến nguồn nước.”.

- Bổ sung quy định về yêu cầu đối với Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sinh sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đã được quy định tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015:

“a) Không được gây sạt, lở bờ sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp đến sự ổn định, an toàn của sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa;

b) Không làm ảnh hưởng đến các chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Không gây ảnh hưởng xấu đến cảnh quan, môi trường sinh thái trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước;

d) Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.”.

- Bổ sung quy định nhằm thống nhất việc cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi và pháp luật khác: Đối với hồ chứa thủy lợi thì mốc hành lang bảo vệ nguồn nước được xác định trùng với mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi. Trường hợp mốc hành lang bảo vệ nguồn nước sông, suối, kênh, rạch được xác định trùng với mốc chỉ giới hành lang bảo vệ luồng thì sử dụng mốc chỉ giới hành lang bảo vệ luồng theo quy định của pháp luật về giao thông thủy. Việc bổ sung quy định nêu trên đã khắc phục được những vướng mắc, chồng chéo về cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước và cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khi triển khai trên thực tế.

## **7. Về quản lý hồ chứa**

Dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) đã có các quy định nhằm quản lý hồ chứa, đập dâng theo hướng thống nhất, đa mục tiêu. Các quy định của dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) nhằm giải quyết các vướng mắc liên quan đến công tác quản lý, vận hành hồ chứa. Rà soát bộ nội dung không còn phù hợp với Luật quy hoạch. Đồng thời, bổ sung làm rõ trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương trong quản lý hồ chứa, cụ thể như sau:

- Dự thảo Luật đã bổ sung yêu cầu đối với các dự án xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông, suối: Phù hợp với tiêu chuẩn phòng, chống lũ, các yêu cầu kỹ thuật liên quan khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai; phải đảm bảo sử dụng nguồn nước tổng hợp, đa mục tiêu. Đồng thời, bổ sung quy định: Việc khai thác, sử dụng nước hồ chứa, đập dâng trên sông, suối phải đảm bảo các yêu cầu về cắt, giảm lũ cho hạ du, sử dụng nguồn nước tổng hợp, đa mục tiêu và đảm bảo các nguyên tắc về điều hòa, phân phối tài nguyên nước quy định tại Luật này.

- Dự thảo Luật đã bổ sung yêu cầu đối với các dự án xây dựng hồ chứa nước không nằm trên sông suối: Không gây sụt, lún đất, tác động xấu đến nguồn nước và môi trường liên quan; không làm ảnh hưởng đến di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; tổ chức, cá nhân có giải pháp quản lý, vận hành đảm bảo không gây ô nhiễm nguồn nước, ngập úng nhân tạo.

- Dự thảo Luật bổ sung trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa: Thực hiện việc thông báo, cảnh báo để bảo đảm an toàn cho người dân và các hoạt động có liên quan ở khu vực hạ lưu hồ chứa, đập dâng trước khi vận hành xả nước về hạ du; thực hiện giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định; thực hiện chế độ cung cấp thông tin, số liệu theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan; xây dựng phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo pháp luật về phòng chống thiên tai và quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Bổ sung trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng phương án sử dụng một phần dung tích chống lũ trên mực nước dâng bình thường của hồ chứa lớn, quan trọng để nâng cao khả năng cắt, giảm lũ cho hạ du khi xảy ra các tình huống khẩn cấp, bất thường, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án và quyết định việc sử dụng phương án khi xảy ra tình huống khẩn cấp, bất thường.

- Dự thảo Luật đã bổ nội dung về hồ chứa nước trong quy hoạch phát triển của các ngành, địa phương có đề xuất xây dựng hồ chứa trên sông suối: Sự cần thiết phải xây dựng hồ chứa so với các giải pháp công trình khác để thực hiện các nhiệm vụ của quy hoạch; Xác định dòng chảy cần duy trì trên sông, suối theo thời gian ở hạ du hồ chứa được đề xuất trong quy hoạch; Xác định và sắp xếp các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên đối với mỗi hồ chứa đề xuất trong quy hoạch và mức bảo đảm cấp nước đối với từng nhiệm vụ đề ra; Dung tích hồ chứa dành để thực hiện từng nhiệm vụ của hồ chứa trong điều kiện thời tiết bình thường và điều kiện thời tiết bất thường có tính đến yếu tố biến đổi khí hậu; Vai trò của các hồ chứa hiện có trên lưu vực sông trong việc bảo đảm thực hiện từng nhiệm vụ của hồ chứa được đề xuất. Dự thảo Luật cũng bổ việc lấy ý kiến các đối tượng hưởng lợi và đối tượng có nguy cơ rủi ro trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước do việc xây dựng hồ chứa đề xuất trong quy hoạch gây ra trong quá trình lập quy hoạch.

- Dự thảo Luật đã bổ sung quy định chấp thuận sử dụng mặt nước hồ chứa đối với hồ chứa là công trình thủy lợi: Trường hợp sử dụng mặt nước hồ chứa thủy lợi, cơ quan quản lý Nhà nước về tài nguyên nước có thẩm quyền chấp thuận phải lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan Nhà nước quản lý công trình thủy lợi đó trước khi chấp thuận việc sử dụng mặt nước. Để tránh nội dung giao thoa, chồng chéo với quy định của Luật Thủy lợi.

Qua rà soát cho thấy, một số nội dung về hồ chứa của dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) chưa giải quyết được một số giao thoa, chồng chéo với pháp luật khác, cụ thể như sau:

- Luật Tài nguyên nước năm 2012 và dự thảo Luật quy định đối với các dự án xây dựng hồ chứa trên sông, suối phải có các hạng mục công trình để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu. Tuy nhiên, đối với các công trình hồ chứa thủy lợi, Luật Thủy lợi không yêu cầu phải có hạng mục này và cũng không dẫn chiếu áp dụng pháp luật khác đã gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước và không thống nhất với pháp luật về tài nguyên nước.

- Luật Tài nguyên nước năm 2012 và dự thảo Luật giao trách nhiệm điều hoà, phân phối tài nguyên nước cho Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì tổ chức, thực hiện. Điều 27 Luật Thủy lợi quy định việc khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng việc vận hành hồ chứa, liên hồ chứa thực hiện theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thủy lợi. Tuy nhiên, thực tế khi xảy ra hạn hán, thiếu nước cơ quan có thẩm quyền được quy định trong Quy trình vận hành liên hồ chứa (đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành) chỉ đạo, điều hành các hồ chứa (bao gồm cả hồ thủy lợi) không chỉ riêng cơ quan có thẩm quyền về thủy lợi.

Cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện nội dung này trong thời gian tới.

## **8. Về tính tương thích của dự thảo Luật với điều ước quốc tế**

Tại Điều 53 và Điều 54 của Hiến pháp năm 2013 quy định:

“Điều 53.

*Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.”.*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật điều ước quốc tế năm 2016 thì một trong những nguyên tắc ký kết và thực hiện điều ước quốc tế đó là “1. Không trái với Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.” Tại khoản 1 Điều 6 Luật điều ước quốc tế năm 2016 quy định “*Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp”.*

Hiện nay, Việt Nam đã tham gia ký kết 02 điều ước quốc tế liên quan đến tài nguyên nước là Hiệp định Hợp tác Phát triển Bền vững lưu vực sông Mê Công ký năm 1995 giữa Chính phủ Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Thái Lan và Công ước của Liên hợp quốc về Luật sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho các mục đích phi giao thông thủy năm 1997. Qua rà soát, dự thảo Luật phù hợp với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trên đây là Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và các điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, VP, PC, TNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Công Thành**

**PHỤ LỤC**  
**KẾT QUẢ RÀ SOÁT LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC NĂM 2012 VỚI CÁC**  
**LUẬT CÓ LIÊN QUAN**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-BTNMT ngày tháng năm 2022)*

**I. NHÓM CÁC LUẬT VỀ ĐẦU TƯ**

**1. Luật Đầu tư**

1.1. Về lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

*a) Nội dung vướng mắc, chồng chéo*

Tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Tài nguyên nước quy định: Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn bị ảnh hưởng về những nội dung liên quan đến phương án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước của dự án; tổng hợp, tiếp thu, giải trình và gửi kèm theo hồ sơ của dự án khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định việc đầu tư.

Tuy nhiên, theo quy định của Luật đầu tư thì tùy thuộc dự án đầu tư, nhà đầu tư sẽ phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc đăng ký đầu tư. Trong hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư (Điều 33) hoặc thủ tục đăng ký đầu tư (Điều 38) đều không quy định thành phần hồ sơ bao gồm cả hồ sơ lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư khi thực hiện đầu tư dự án có xây dựng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước hoặc có hoạt động xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân trên địa bàn.

*b) Hướng xử lý*

Vấn đề này liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị Quốc hội xem xét: sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Tài nguyên nước theo hướng: Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn bị ảnh hưởng về những nội dung liên quan đến phương án khai thác, sử dụng tài nguyên nước của dự án; tổng hợp, tiếp thu, giải trình bằng văn bản và gửi kèm theo hồ sơ cấp phép.

1.2. Về đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước

*a) Nội dung vướng mắc, chồng chéo*

Tại khoản 3 Điều 44 Luật Tài nguyên nước quy định: Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý nhà nước về tài nguyên nước cấp giấy phép trước khi quyết định việc đầu tư.

Tuy nhiên, theo quy định của Luật đầu tư thì tùy thuộc dự án đầu tư, nhà đầu tư sẽ phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc đăng ký đầu tư, không yêu cầu phải có giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước.



*b) Hướng xử lý*

Vấn đề này liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị Quốc hội xem xét: sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Tài nguyên nước theo hướng: Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc trường hợp phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý nhà nước về tài nguyên nước cấp giấy phép tài nguyên nước trước khi xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước hoặc đăng ký khai thác, sử dụng nước theo quy định.

1.3. Về giấy phép xả nước thải vào nguồn nước

*a) Nội dung vướng mắc, chồng chéo*

Điều 37 Luật Tài nguyên nước đã quy định việc cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 169 Luật Bảo vệ môi trường đã bãi bỏ Điều 37 và sửa đổi, bổ sung Điều 73 Luật Tài nguyên nước, theo đó không còn giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

Tại số thứ tự 213 của Phụ lục IV - Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư quy định ngành, nghề kinh doanh có điều kiện: “Kinh doanh dịch vụ khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước”. Tuy nhiên, Điều 37 Luật Tài nguyên nước đã được bãi bỏ tại khoản 1 Điều 169 Luật Bảo vệ môi trường, do vậy ngành nghề “xả nước thải vào nguồn nước” không còn phù hợp.

*b) Hướng xử lý*

Vấn đề này liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh có điều kiện tại số thứ tự 213 của Phụ lục IV - Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư theo hướng bỏ nội dung “xả nước thải vào nguồn nước”.

## **2. Luật Đầu tư công**

2.1. Về lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

*a) Nội dung vướng mắc, chồng chéo*

Tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Tài nguyên nước quy định: Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn bị ảnh hưởng về những nội dung liên quan đến phương án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước của dự án; tổng hợp, tiếp thu, giải trình và gửi kèm theo hồ sơ của dự án khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định việc đầu tư. Tổ chức đầu tư các dự án nêu trên có thể do các cơ quan nhà nước thực hiện và theo pháp luật về đầu tư công.

Tuy nhiên, theo quy định của Luật đầu tư công thì tùy thuộc dự án đầu tư công, nguồn vốn của dự án đầu tư công, cơ quan chủ quản sẽ phải thực hiện thủ

tục chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định dự án đầu tư (Điều 40), quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Điều 41) hoặc quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp (Điều 42)... Tuy nhiên, trong thành phần hồ sơ đề nghị quyết định đầu tư dự án đều không quy định thành phần hồ sơ bao gồm cả hồ sơ lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư khi thực hiện đầu tư dự án có xây dựng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước hoặc có hoạt động xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân trên địa bàn.

*b) Hướng xử lý*

Vấn đề này liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Đầu tư công thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị Quốc hội xem xét: sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Tài nguyên nước theo hướng: Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn bị ảnh hưởng về những nội dung liên quan đến phương án khai thác, sử dụng tài nguyên nước của dự án; tổng hợp, tiếp thu, giải trình bằng văn bản và gửi kèm theo hồ sơ cấp phép.

2.2. Về đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước

*a) Nội dung vướng mắc, chồng chéo*

Tại khoản 3 Điều 44 Luật Tài nguyên nước quy định: Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý nhà nước về tài nguyên nước cấp giấy phép trước khi quyết định việc đầu tư. Tổ chức đầu tư các dự án nêu trên có thể do các cơ quan nhà nước thực hiện và theo pháp luật về đầu tư công.

Tuy nhiên, theo quy định của Luật đầu tư công thì tùy thuộc dự án đầu tư công, nguồn vốn của dự án đầu tư công, cơ quan chủ quản sẽ phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định dự án đầu tư (Điều 40), quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Điều 41) hoặc quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp (Điều 42)... Tuy nhiên, trong thành phần hồ sơ đề nghị quyết định đầu tư dự án đều không quy định thành phần hồ sơ phải có giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

*b) Hướng xử lý*

Vấn đề này liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị Quốc hội xem xét: sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Tài nguyên nước theo hướng: Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc trường hợp phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý nhà nước về tài nguyên nước cấp giấy phép tài nguyên nước trước khi xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước hoặc đăng ký khai thác, sử dụng nước theo quy định.

## II. NHÓM CÁC LUẬT VỀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

### 1. Luật Khoáng sản (Nội dung về phòng, chống sạt, lở bờ, bãi sông)

#### a) Nội dung vướng mắc, chồng chéo

Tại khoản 2 Điều 63 Luật Tài nguyên nước quy định: Đối với những dòng sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông, cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước cấp tỉnh có trách nhiệm xác định nguyên nhân gây sạt, lở, đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa, khắc phục và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác. Trường hợp khu vực bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông nằm giữa hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác.

Tuy nhiên, tại khoản 5 Điều 28 Luật Khoáng sản theo quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khoanh định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản sau khi có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường và bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan. Do đó, qua rà soát cho thấy, Luật Tài nguyên nước quy định chưa đồng bộ, thống nhất với Luật Khoáng sản.

#### b) Hướng xử lý

Vấn đề này liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị Quốc hội xem xét: sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật Tài nguyên nước theo hướng: Các sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông phải được khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác. Việc khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác thực hiện theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

### 2. Luật Bảo vệ môi trường

2.1. Về lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

#### a) Nội dung vướng mắc, chồng chéo

Tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 6 Luật Tài nguyên nước quy định: Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn bị ảnh hưởng về những nội dung liên quan đến phương án khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước của dự án. Công khai thông tin về những nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước của dự án và những ảnh hưởng có thể gây ra trước khi triển khai thực hiện. Đồng thời, Điều 37 Luật Tài nguyên nước đã quy định việc cấp giấy phép xả nước

thải vào nguồn nước. Nội dung quy định tại Điều 6 Luật Tài nguyên nước đã được quy định cụ thể tại Điều 2 và Điều 3 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

Tuy nhiên, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã quy định giấy phép xả nước thải vào nguồn nước được gộp vào trong giấy phép môi trường đối với dự án, cơ sở có phát sinh chất thải. Đồng thời, tại khoản 1 Điều 169 Luật Bảo vệ môi trường đã bãi bỏ Điều 37 Luật Tài nguyên nước và sửa đổi, bổ sung Điều 73 Luật Tài nguyên nước, theo đó không còn giấy phép xả nước thải vào nguồn nước. Do đó, nội dung quy định về lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn bị ảnh hưởng và việc công khai thông tin đối với hoạt động xả nước thải vào nguồn nước tại Điều 6 Luật Tài nguyên nước không còn phù hợp. Đồng thời, tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, tại khoản 1 Điều 167 đã bỏ việc lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư (Điều 2) và công khai thông tin (Điều 3) về hoạt động xả nước thải vào nguồn nước được quy định tại Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

*b) Hướng xử lý*

Vấn đề này liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị Quốc hội xem xét: sửa đổi tên Điều 6 và nội dung của Điều 6 theo hướng bỏ nội dung lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và nội dung công khai thông tin đối với hoạt động xả nước thải vào nguồn nước.

2.2. Về ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước và phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt

*a) Nội dung vướng mắc, chông chéo*

Tại khoản 1 Điều 27 Luật Tài nguyên nước quy định:

*“1. Việc ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước được thực hiện như sau:*

*a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ra sự cố ô nhiễm nguồn nước có trách nhiệm xây dựng phương án, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết và thực hiện các biện pháp để kịp thời ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước do mình gây ra;*

*b) Trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương có trách nhiệm xác định rõ nguyên nhân, tổ chức, cá nhân gây ra sự cố; phối hợp giảm thiểu tác hại do sự cố gây ra; giám sát, đánh giá mức độ suy giảm chất lượng nước, thiệt hại do sự cố gây ra để yêu cầu đối tượng gây ra sự cố bồi thường thiệt hại;*

*c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi chịu ảnh hưởng trực tiếp của sự cố ô nhiễm nguồn nước có trách nhiệm chủ động tiến hành các biện pháp ngăn chặn, hạn chế*

*lan rộng vùng ô nhiễm, xử lý, giảm thiểu ô nhiễm thuộc phạm vi quản lý, phối hợp với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan trong quá trình ngăn chặn, xử lý sự cố và báo cáo kịp thời với Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*d) Tổ chức, cá nhân gây ra sự cố ô nhiễm nguồn nước, ngoài việc bị xử phạt vi phạm theo quy định của pháp luật còn có trách nhiệm khắc phục hậu quả ô nhiễm, suy thoái nguồn nước trước mắt, cải thiện, phục hồi chất lượng nước về lâu dài và bồi thường thiệt hại do mình gây ra.”.*

Tuy nhiên, Luật Bảo vệ môi trường có một mục riêng về Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (thuộc Chương X Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và bồi thường thiệt hại về môi trường), trong đó bao gồm cả sự cố môi trường nước. Theo đó, Điều 121 (Quy định chung về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường), Điều 122 (Trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường), Điều 123 (Phân cấp sự cố môi trường và các giai đoạn ứng phó sự cố môi trường), Điều 124 (Chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường), Điều 125 (Tổ chức ứng phó sự cố môi trường), Điều 126 (Phục hồi môi trường sau sự cố môi trường), Điều 127 (Trách nhiệm về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan chuyên môn các cấp) đã quy định đầy đủ từ phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường nước. Do đó, các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Tài nguyên nước chưa thống nhất, đồng bộ với Luật Bảo vệ môi trường.

#### *b) Hướng xử lý*

Vấn đề này liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị Quốc hội xem xét bỏ nội dung quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Tài nguyên nước, đồng thời bổ sung quy định dẫn chiếu áp dụng pháp luật bảo vệ môi trường để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật: Việc phòng ngừa, ứng phó, khắc phục, phục hồi môi trường sau sự cố ô nhiễm nguồn nước thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước

#### *a) Nội dung vướng mắc, chông chéo*

Tại Điều 38 Luật Tài nguyên nước đã quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, trong đó điểm a quy định các quyền như được xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của giấy phép; được nhà nước Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp; được nhà nước bồi thường thiệt hại trong trường hợp giấy phép bị thu hồi trước thời hạn vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo quy định của pháp luật; đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo quy định...

Điểm b Điều 38 quy định về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước như: chấp hành quy định của pháp luật về tài nguyên nước và thực hiện đúng nội dung của giấy phép; thực hiện các nghĩa vụ

tài chính theo quy định của pháp luật; bảo đảm đạt tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật cho phép trong suốt quá trình xả nước thải vào nguồn nước...

Tuy nhiên, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã quy định giấy phép xả nước thải vào nguồn nước được gộp vào trong giấy phép môi trường đối với dự án, cơ sở có phát sinh chất thải. Đồng thời, tại khoản 1 Điều 169 Luật Bảo vệ môi trường đã bãi bỏ Điều 37 Luật Tài nguyên nước và sửa đổi, bổ sung Điều 73 Luật Tài nguyên nước, theo đó không còn giấy phép xả nước thải vào nguồn nước. Mặc dù, Luật Bảo vệ môi trường đã bãi bỏ giấy phép xả nước thải vào nguồn nước nhưng chỉ bãi bỏ điểm đ khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước là chưa đồng bộ. Vì tại, khoản 5 Điều 171 về điều khoản chuyển tiếp của Luật Bảo vệ Môi trường đã quy định:

*“5. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi đã được cấp theo quy định của Luật Tài nguyên nước và Luật Thủy lợi được tiếp tục sử dụng đến hết thời hạn của giấy phép và là một phần của giấy phép môi trường quy định tại Luật này. Tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi được đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường trong trường hợp đã hoàn thành công trình, thiết bị xử lý khí thải, quản lý chất thải rắn theo quy định của Luật này.”*

Do đó, quy định tại Điều 38 hiện không còn phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

#### *b) Hướng xử lý*

Vấn đề này liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị Quốc hội xem xét bỏ nội dung quy định tại Điều 38 Luật Tài nguyên nước.

### **3. Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo**

#### **3.1. Về điều tra cơ bản tài nguyên nước**

##### *a) Nội dung vướng mắc, chồng chéo*

Tại Điều 12, Điều 13 Luật Tài nguyên nước đã quy định rõ nội dung của hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước gồm 7 hoạt động, trong đó có điều tra đánh giá tài nguyên nước.

Tuy nhiên, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo quy định tài nguyên biển và hải đảo bao gồm tài nguyên sinh vật và tài nguyên phi sinh vật thuộc khối nước biển, đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, vùng đất ven biển và quần đảo, đảo, bãi cạn lúc chìm lúc nổi, bãi ngầm (sau đây gọi chung là hải đảo) thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam (khoản 1 Điều 3 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo). Đồng thời, tại chương Mục 1 Chương 3 quy định về điều tra tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, trong đó bao gồm cả điều tra về tài nguyên nước thuộc vùng đất ven biển. Tại khoản 3 Điều 8 Nghị định 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi

hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo quy định: “Vùng đất ven biển bao gồm các xã, phường, thị trấn có biển.”.

Với quy định này của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo có thể thấy trùng một phần đối tượng điều tra về tài nguyên nước ở các xã, phường, thị trấn có biển. Điều này có thể dẫn tới trường hợp ở các xã có biển đã điều tra cơ bản tài nguyên nước nhưng nếu có chương trình, dự án điều tra môi trường biển và hải đảo thì vẫn có thể thực hiện lại.

*b) Hướng xử lý: Giải trình*

Tại khoản 1 Điều 13 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo quy định:

*“1. Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được thực hiện thông qua các dự án, đề án, nhiệm vụ sau đây:*

*a) Dự án, đề án, nhiệm vụ điều tra cơ bản thuộc chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;*

*b) Dự án, đề án, nhiệm vụ điều tra cơ bản không thuộc chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.”.*

Theo đó, các hoạt động này sẽ được rà soát kỹ lưỡng trước khi phê duyệt các dự án, đề án, nhiệm vụ điều tra cơ bản. Do vậy, vấn đề trùng lặp về phạm vi điều tra có thể được rà soát để tránh điều tra lặp lại tại những vùng đã có số liệu điều tra về tài nguyên nước trước khi thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

3.2. Về quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh

*a) Nội dung vướng mắc, chồng chéo*

Tại khoản 1 Điều 19 Luật Tài nguyên nước quy định về nội dung phân bổ nguồn nước trong quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh, trong đó có nội dung: Đánh giá số lượng, chất lượng của nguồn nước, hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; dự báo xu thế biến động dòng chảy, mực nước của các tầng chứa nước, nhu cầu sử dụng nước; Xác định tỷ lệ phân bổ tài nguyên nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước, thứ tự ưu tiên và tỷ lệ phân bổ trong trường hợp hạn hán, thiếu nước.

Tại khoản 7 Điều 3 Luật Tài nguyên và Môi trường biển, hải đảo được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, quy định: “7. Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ là quy hoạch ngành quốc gia, cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch không gian biển quốc gia, định hướng và tổ chức không gian cho việc khai thác, sử dụng các loại tài nguyên và bảo vệ môi trường trong phạm vi vùng bờ.”.

Tại khoản 3 Điều 8 Nghị định 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo quy định: “Vùng đất ven biển bao gồm các xã, phường, thị trấn có biển.”.

Tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 27 Luật Tài nguyên và Môi

trường biển, hải đảo đã quy định nội dung của quy hoạch: hiện trạng tài nguyên vùng bờ; xu thế biến động tài nguyên và môi trường vùng bờ, dự báo tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với tài nguyên và môi trường vùng bờ; nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và yêu cầu bảo vệ môi trường vùng bờ; Xác định mục tiêu, định hướng và xây dựng phương án tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường vùng bờ; Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ.

Như vậy, vùng bờ và hành lang bảo vệ bờ biển cũng nằm trong phạm vi lưu vực sông nên quy định về nội dung quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ có giao thoa với nội dung khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh.

*b) Hướng xử lý: Giải trình*

Mặc dù, nội dung quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh và nội dung quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ có giao thoa về nội dung tài nguyên nước trong phạm vi vùng bờ, tuy nhiên, về căn bản sự giao thoa này là cần thiết. Việc phân vùng khai thác tài nguyên trong vùng bờ cũng nhằm để bảo vệ bờ biển, do đó cần thiết phải có những đánh giá, lên phương án tổng thể trong quy hoạch. Tuy nhiên, cần phải có sự thống nhất đối với các nội dung về tài nguyên nước trong quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ và nội dung quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh tại các xã có biển. Vấn đề này sẽ được rà soát trong quá trình xin ý kiến các quy hoạch.

### 3.3. Về thăm dò, khai thác nước dưới đất

*a) Nội dung vướng mắc, chông chéo*

Tại khoản 4 Điều 52 Luật Tài nguyên nước quy định các khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất bao gồm: Khu vực có nguồn nước mặt có khả năng đáp ứng ổn định cho các nhu cầu sử dụng nước; Khu vực có mực nước dưới đất bị suy giảm liên tục và có nguy cơ bị hạ thấp quá mức; Khu vực có nguy cơ sụt, lún đất, xâm nhập mặn, gia tăng ô nhiễm do khai thác nước dưới đất; Khu vực có nguồn nước dưới đất bị ô nhiễm hoặc có dấu hiệu ô nhiễm nhưng chưa có giải pháp công nghệ xử lý bảo đảm chất lượng.

Tại điểm a khoản 1 Điều 25 Luật Tài nguyên và Môi trường biển, hải đảo, quy định hạn chế khai thác nước dưới đất trong hành lang bảo vệ bờ biển. Như vậy, khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất trong Luật Tài nguyên nước có 4 khu vực không bao gồm khu vực hành lang bảo vệ bờ biển và Luật cũng không quy định khu vực hạn chế khác theo quy định của pháp luật khác. Do đó, không có sự thống nhất giữa hệ thống pháp luật gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân trong việc tra cứu và áp dụng pháp luật.

*b) Hướng xử lý:*

Vấn đề này liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Tài nguyên và Môi trường biển, hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc



hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 52 Luật Tài nguyên nước theo hướng ngoài các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đã được quy định trong Luật Tài nguyên nước, thì còn bổ sung vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khác và dẫn chiếu theo quy định của pháp luật khác: *“các khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất theo các quy định của pháp luật khác có liên quan phải được khoanh định, công bố vùng hạn chế.”*

### **III. NHÓM CÁC LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**

#### **1. Luật Thủy lợi**

##### 1.1. Về khái niệm nguồn nước

###### *a) Nội dung vướng mắc, chông chéo*

Tại khoản 2 Điều 2 Luật Tài nguyên nước quy định nguồn nước như sau: *“2. Nguồn nước là các dạng tích tụ nước tự nhiên hoặc nhân tạo có thể khai thác, sử dụng bao gồm sông, suối, kênh, rạch, hồ, ao, đầm, phá, biển, các tầng chứa nước dưới đất; mưa, băng, tuyết và các dạng tích tụ nước khác.”*

Tại khoản 3 Điều 3 Luật Thủy lợi quy định: *“3. Công trình thủy lợi là công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi bao gồm đập, hồ chứa nước, cống, trạm bơm, hệ thống dẫn, chuyển nước, kè, bờ bao thủy lợi và công trình khác phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi.”*

Theo quy định của Luật tài nguyên nước thì ao, hồ chứa nước, kênh thủy lợi cũng là nguồn nước và được quản lý theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. Đồng thời, ao, hồ chứa, kênh thủy lợi là công trình thủy lợi nên cũng được quản lý theo quy định của pháp luật về thủy lợi. Do đó, có sự giao thoa về đối tượng quản lý của Luật Tài nguyên nước và Luật Thủy lợi trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

###### *b) Hướng xử lý:*

Để quản lý tổng hợp, thống nhất về tài nguyên nước cần xác định rõ phạm vi, đối tượng quản lý của tài nguyên nước là nguồn nước, còn phạm vi, đối tượng quản lý của các Luật quy định về khai thác, sử dụng nước trong các hệ thống công trình. Do đó, cần phải thống nhất quản lý nhà nước về tài nguyên nước và xác định các công trình ao, hồ chứa, kênh thủy lợi phải trước hết phải tuân thủ pháp luật về tài nguyên nước. Theo đó, có thể coi Luật Tài nguyên nước là luật chung, quy định về tài nguyên nước, các Luật liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước là luật quy định việc quản lý các công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Tuy nhiên, cần phải đảm bảo tính đồng bộ giữa các luật. Liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị Quốc hội xem xét bổ sung quy định: *“1. Quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra phải thực hiện theo quy định của Luật này và các luật khác có liên quan. Trường hợp có sự khác nhau giữa*

quy định của Luật này với các luật khác về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước; điều tra cơ bản; quy hoạch về tài nguyên nước; bảo vệ tài nguyên nước; điều hoà, phân phối tài nguyên nước; khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống hạn hán thiếu nước, lũ lụt, ngập úng nhân tạo; phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ; tài chính về tài nguyên nước; điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng nước; thủ tục hành chính về tài nguyên nước thì thực hiện theo quy định của Luật Tài nguyên nước” vào Luật Tài nguyên nước.

## 1.2. Về điều tra cơ bản tài nguyên nước

### a) Nội dung vướng mắc, chông chéo

Tại khoản 1 Điều 12 Luật Tài nguyên nước quy định các hoạt động điều tra cơ bản bao gồm các hoạt động: Điều tra, đánh giá tài nguyên nước; Kiểm kê tài nguyên nước định kỳ 5 năm một lần; Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải, khí thải, chất thải khác vào nguồn nước...

Tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 9 quy định:

*“d) Thu thập thông tin, quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng nước, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, lũ, ngập lụt, úng, bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi, bờ sông, bờ biển phục vụ hoạt động thủy lợi;*

*đ) Tác động của biến đổi khí hậu, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, lũ, ngập lụt, úng, bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi, bờ sông, bờ biển, hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trên lưu vực sông đến hoạt động thủy lợi.”*

Qua rà soát, với các quy định nêu trên có thể thấy hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước và hoạt động điều tra cơ bản thủy lợi có trùng lặp nội dung về thu thập thông tin, quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng nước, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn. Việc trùng lặp hoạt động điều tra có thể dẫn đến lãng phí nguồn ngân sách nhà nước nếu không kế thừa kết quả điều tra của các ngành.

### b) Hướng xử lý:

Vấn đề liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị Quốc hội xem xét bổ sung quy định nhằm đảm bảo kết quả điều tra cơ bản được kế thừa và cập nhật vào một hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu chung để vừa giảm thiểu việc lãng phí ngân sách, vừa đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống số liệu, cụ thể như sau: *“6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương và các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan trong phạm vi quản lý chỉ đạo việc cập nhật kết quả điều tra cơ bản liên quan đến khai thác, sử dụng nước vào hệ thống thông tin dữ liệu theo quy định.”* Đồng thời, kiến nghị Quốc hội xem xét giao Chính phủ hướng dẫn nội dung nêu trên.

## 1.3. Về nội dung quy hoạch tổng hợp sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh

### a) Nội dung vướng mắc, chông chéo

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Luật tài nguyên nước, nội dung quy hoạch tài nguyên nước bao gồm đánh giá số lượng, chất lượng của nguồn nước, hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; dự báo xu thế biến động dòng chảy.

Tại Điều 13 Luật Thủy lợi đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch đã quy định về nội dung quy hoạch thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh như sau:

*“2. Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh bao gồm các nội dung chính sau đây:*

*a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, nguồn nước; điều kiện kinh tế - xã hội; nguồn lực; đánh giá hiện trạng thủy lợi, kết quả thực hiện quy hoạch thời kỳ trước;*

*b) Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển, nguồn nước trong bối cảnh chịu tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai; dự báo tiến bộ khoa học và công nghệ, nguồn lực ảnh hưởng trực tiếp đến thủy lợi;”*

Như vậy, liên quan đến nguồn nước thì nội dung về nguồn nước, dự báo nguồn nước trong nội dung quy hoạch của Luật Tài nguyên nước có giao thoa với nội dung phân tích, đánh giá điều kiện về nguồn nước, dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển, nguồn nước trong bối cảnh chịu tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai của Luật Thủy lợi.

Tuy nhiên, sự giao thoa này là cần thiết, vì quy hoạch thủy lợi là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước nên cần phải đánh giá được hiện trạng nguồn nước và dự báo được kịch bản để xây dựng phương án khai thác, sử dụng nước phục vụ thủy lợi.

b) Hướng xử lý: Giải trình

Sự giao thoa này là cần thiết, vì quy hoạch thủy lợi là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước nên cần phải đánh giá được hiện trạng nguồn nước và dự báo được kịch bản để xây dựng phương án khai thác, sử dụng nước phục vụ thủy lợi.

1.4. Về hành lang bảo vệ nguồn nước

a) Nội dung vướng mắc, chông chéo

Theo quy định tại Điều 31 Luật tài nguyên nước, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước và Điều 40 Luật Thủy lợi, Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập thì quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (bao gồm công trình và vùng phụ cận)... trong lĩnh vực thủy lợi chồng lấn với quy định về quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước quy định trong Luật Tài nguyên nước, dẫn đến đơn vị quản lý các hồ, đập phải cùng một lúc thực hiện hai quy định về cấm mốc hành lang bảo vệ hồ chứa và cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Tại khoản 3 Điều 18 Thông tư số 05/2018/TT-BNTPTNT ngày 15

tháng 05 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi quy định: “*Trường hợp mốc chỉ giới cần cắm trùng với mốc hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc mốc của công trình khác đã được cắm trước đó thì coi mốc hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc mốc của công trình khác là mốc tham chiếu*” chỉ mới giải quyết được một phần sự giao thoa, chồng lấn.

b) Hướng xử lý:

Vấn đề liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị Quốc hội xem xét bổ sung quy định dẫn chiếu áp dụng pháp luật về thủy lợi đối với hoạt động cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước là hồ chứa thủy lợi, cụ thể như sau: “*Đối với hồ chứa thủy lợi thì mốc hành lang bảo vệ nguồn nước được xác định trùng với mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi.*”.

1.5. Về chấp thuận sử dụng mặt nước hồ chứa và cấp giấy phép khai thác nước dưới đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

a) Nội dung vướng mắc, chồng chéo

Theo quy định tại Điều 44, Điều 73 Luật Tài nguyên nước, tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất phải được Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất.

Theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 53, trường hợp sử dụng mực nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh du lịch, giải trí thì phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước chấp thuận bằng văn bản.

Tuy nhiên, tại điểm c, điểm e và điểm h khoản 1 Điều 44 Luật Thủy lợi quy định các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải có giấy phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (khoản 2 Điều 44), trong đó có thăm dò, khai thác nước dưới đất; hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ; nuôi trồng thủy sản.

Như vậy, theo quy định của Luật Tài nguyên nước và Luật Thủy lợi thì cùng một hoạt động khai thác nước dưới đất phải xin giấy phép của hai cơ quan quản lý nhà nước. Còn trường hợp sử dụng mặt nước hồ chứa để thực hiện hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ; nuôi trồng thủy sản thì vừa phải có giấy phép theo quy định của Luật Thủy lợi, vừa phải chấp thuận theo quy định của Luật Tài nguyên nước. Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp, gây cản trở khi thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh ảnh hưởng đến môi trường đầu tư kinh doanh. Do vậy, cần có quy định để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

b) Hướng xử lý:

Vấn đề liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo

kiến nghị Quốc hội xem xét bổ sung nội dung vào khoản 1 Điều 44 Luật Thủy lợi như sau: *“Trường hợp sử dụng mặt nước hồ chứa cho hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước”*.

Đồng thời, bổ sung nội dung sau đây vào Luật Tài nguyên nước để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh:

- Bổ sung vào Điều 44 Luật Tài nguyên nước nội dung:

*“5. Trường hợp tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, cơ quan cấp giấy phép về tài nguyên nước phải lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan Nhà nước quản lý công trình thủy lợi đó trước khi cấp giấy phép tài nguyên nước.”*

- Bổ sung vào Điều 53 Luật Tài nguyên nước nội dung:

*“Trường hợp sử dụng mặt nước hồ chứa thủy lợi, cơ quan quản lý Nhà nước về tài nguyên nước có thẩm quyền chấp thuận phải lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan Nhà nước quản lý công trình thủy lợi đó trước khi chấp thuận việc sử dụng mặt nước.”*

1.6. Về quản lý hồ chứa

a) Nội dung vướng mắc, chồng chéo

Tại Điều 53 Luật Tài nguyên nước quy định đối với các dự án xây dựng hồ chứa trên sông, suối phải có các hạng mục công trình để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu. Tuy nhiên, đối với các công trình hồ chứa thủy lợi, Luật Thủy lợi không yêu cầu phải có hạng mục này và cũng không dẫn chiếu áp dụng pháp luật khác đã gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

Luật tài nguyên nước quy định đối với các công trình hồ chứa, đập dâng phải sử dụng nguồn nước tổng hợp, đa mục tiêu, sử dụng dung tích chết của hồ chứa trong trường hợp hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng, bảo đảm sự di cư của các loài cá, sự đi lại của phương tiện vận tải thủy đối với các đoạn sông, suối có hoạt động vận tải thủy. Tuy nhiên, Luật thủy lợi chỉ quy định đối với hồ chứa thủy điện vận hành theo chế độ điều tiết ngày (không phải là các hồ chứa) phải có giải pháp bảo đảm công trình thủy lợi ở hạ du hoạt động bình thường (Điều 28) mà không phải là đáp ứng các nhu cầu sử dụng nước hạ du, trong đó có thủy lợi.

Tại Điều 27 Luật Thủy lợi quy định việc khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, ứng việc vận hành hồ chứa, liên hồ chứa thực hiện theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thủy lợi. Tuy nhiên, thực tế khi xảy ra các tình huống nêu trên cơ quan có thẩm quyền được quy định trong Quy trình vận hành liên hồ chứa (đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành) chỉ đạo, điều hành các hồ chứa (bao gồm cả hồ thủy lợi) không chỉ riêng cơ quan có thẩm quyền về thủy lợi. Qua rà soát cho thấy, việc không thống nhất về việc điều

hoà, phân phối tài nguyên nước trong trường hợp hạn hán, thiếu nước đã gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các văn bản luật trên thực tế.

b) Hướng xử lý:

Vấn đề liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị Quốc hội xem xét bổ sung quy định hồ chứa nước phải có hạng mục xả dòng chảy tối thiểu vào Luật Thủy lợi trong quá trình hoàn thiện dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

1.7. Về điều hoà, phân phối tài nguyên nước

a) Nội dung vướng mắc, chồng chéo

Điều 54 Luật Tài nguyên nước giao Bộ Tài nguyên và Môi trường điều hoà, phân phối nguồn nước trên lưu vực sông liên tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều hoà, phân phối trên lưu vực sông nội tỉnh. Việc điều hoà, phân phối là nhiệm vụ chính, thường xuyên của công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước và được thực hiện thông qua các công cụ quy hoạch, quy trình vận hành liên hồ chứa, cấp phép cho các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước với các mục đích khác nhau (nông nghiệp, thủy điện, cấp nước đô thị, cấp nước nông thôn, thủy sản, giao thông thủy...).

Tuy nhiên, tại điểm d khoản 1 Điều 27 Luật Thủy lợi quy định: khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, ứng việc vận hành hồ chứa, liên hồ chứa thực hiện theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thủy lợi. Đồng thời, tại điểm c khoản 2 Điều 56 Luật Thủy lợi quy định trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

*“c) Chỉ đạo điều hòa, phân phối nước và tổ chức thực hiện xây dựng kế hoạch sử dụng nước trong hệ thống công trình thủy lợi phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác; chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện việc điều tiết nước hồ chứa thủy điện phục vụ thủy lợi trong trường hợp hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn;”*

Quy định này chồng chéo với pháp luật về tài nguyên nước. Hơn nữa, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý các công trình thủy lợi phục vụ mục đích chính là sản xuất nông nghiệp lại là cơ quan điều phối công trình khai thác, sử dụng nước của các Bộ, ngành là chưa đảm bảo tính khách quan.

b) Hướng xử lý:

Vấn đề liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thủy lợi như sau:

- Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 27 như sau:

*“d) Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, ứng việc vận hành hồ chứa, liên hồ chứa thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước”*

- Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 56 như sau:

“c) Chỉ đạo điều hòa, phân phối nước và tổ chức thực hiện xây dựng kế hoạch sử dụng nước trong hệ thống công trình thủy lợi phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác; phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương thực hiện việc điều tiết nước hồ chứa thủy điện phục vụ thủy lợi;”.

## **2. Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

### a) Nội dung vướng mắc, chưa thống nhất

Tại khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước quy định về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước bao gồm tám nghĩa vụ, trong đó có nghĩa vụ đúng mục đích, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; không gây cản trở hoặc làm thiệt hại đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

Tại khoản 1 Điều 48 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã quy định việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân phải bảo đảm:

“a) Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên nước;

b) Đúng mục đích, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;

c) Không gây cản trở hoặc làm thiệt hại đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.”.

Qua rà soát cho thấy, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí yêu cầu nội dung khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên nước nhưng khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước không quy định nội dung này.

### b) Hướng xử lý: Giải trình

Mặc dù, Điều 43 Luật Tài nguyên nước không quy định nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng tài nguyên nước phải đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên nước, nhưng Luật đã quy định nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tại các Điều 47, Điều 48 khi quy định về khai thác sử dụng tài nguyên nước cho thủy điện, nuôi trồng thủy sản phải thực hiện theo đúng quy hoạch về tài nguyên nước. Hơn nữa, quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định chung cho cả cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân khai thác, dụng tài nguyên nước. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo không đề nghị bổ sung nội dung này vào Luật Tài nguyên nước.

## **IV. NHÓM CÁC LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI**

### **1. Luật Đê điều**

#### a) Nội dung vướng mắc, chồng chéo

Tại khoản 1 Điều 63 Luật Tài nguyên nước quy định: “1. Hoạt động cải tạo lòng, bờ, bãi sông, xây dựng công trình thủy, khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông, hồ không được gây sạt, lở, làm ảnh hưởng xấu đến sự ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ và phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.”.

Chính phủ đã quy định chi tiết Điều này tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông. Trong đó, tại Điều 20 quy định tác dự án phải đánh giá tác động của hoạt động đó đến việc bảo đảm sự ổn định của bờ sông, các vùng đất ven sông và giao Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận phương án bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, hồ đối với các trường hợp: (1) thăm dò, khai thác, vận chuyển cát, sỏi và khoáng sản khác trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông ven biển; (2) Nạo vét, khơi thông luồng để mở mới, cải tạo, nâng cấp luồng, tuyến giao thông thủy nội địa, trừ duy tu, bảo dưỡng định kỳ các tuyến đường thủy nội địa hiện có; (3) Kè bờ, gia cố bờ sông, trừ công trình kè bờ, chỉnh trị sông để phòng, chống thiên tai; san lấp, lấn sông, cải tạo cảnh quan các vùng đất ven sông; (4) Xây dựng công trình, vật kiến trúc nổi trên sông, xây dựng cầu, cảng sông, bến tàu, phà tiếp nhận tàu và các công trình thủy khác trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc trong lòng, bờ, bãi sông, hồ.

Tại khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều đã quy định những hoạt động phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép:

- “1. Những hoạt động sau đây phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép:
- b) Khoan, đào trong phạm vi bảo vệ đê điều;
  - c) Xây dựng công qua đê; xây dựng công trình đặc biệt trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông;
  - d) Xây dựng công trình ngầm; khoan, đào để khai thác nước ngầm trong phạm vi 1 kilômét tính từ biên ngoài của phạm vi bảo vệ đê điều;
  - đ) Sử dụng đê, kè bảo vệ đê, công qua đê làm nơi neo đậu tàu, thuyền, bè, mảng;
  - e) Khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác ở lòng sông;
  - g) Để vật liệu, khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác, đào ao, giếng ở bãi sông;
  - h) Nạo vét luồng lạch trong phạm vi bảo vệ đê điều.”.

Như vậy, có thể thấy các hoạt động trong phạm vi bảo vệ lòng, bờ, bãi sông ở các tuyến sông có đê cần phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước (Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trùng với các hoạt động phải có giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Với các quy định này có thể dẫn tới tình trạng cùng một hoạt động phải xin ý kiến chấp thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường, vừa phải có giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác ở lòng sông còn phải có giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản.



b) Hướng xử lý:

Vấn đề liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Đê điều thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung Điều 63 Luật Tài nguyên nước theo hướng đối với các đoạn sông có đê thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đê điều, cụ thể như sau:

*“1. Hoạt động cải tạo lòng, bờ, bãi sông, xây dựng công trình thủy, khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác trên sông, hồ không được gây sạt, lở, làm ảnh hưởng xấu đến sự ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ và chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước.*

*2. Các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này có nguy cơ gây tác động xấu đến sự ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ phải thực hiện đánh giá tác động và có phương án bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản. Đối với các đoạn sông có đê thực hiện theo quy định pháp luật về đê điều.”*

## **2. Luật Khí tượng thủy văn**

a) Nội dung giao thoa

Tại Điều 57 Luật Tài nguyên nước quy định về gây mưa nhân tạo: *“Việc gây mưa nhân tạo phải căn cứ vào nhu cầu về nước của vùng thiếu nước và điều kiện cho phép để quyết định biện pháp, quy mô hợp lý và phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”*.

Tại khoản 1 Điều 42 Luật Khí tượng thủy văn quy định các trường hợp được tác động vào thời tiết, trong đó có tác động nhằm gây mưa hoặc tăng lượng mưa. Tại khoản 1 Điều 44 Luật Khí tượng thủy văn quy định: Cơ quan, tổ chức có nhu cầu tác động vào thời tiết xây dựng kế hoạch gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Như vậy, Luật Tài nguyên nước và Luật Khí tượng thủy văn cùng quy định về hoạt động gây mưa nhân tạo, Luật Tài nguyên nước không quy định rõ cơ quan có thẩm quyền cho phép gây mưa nhân tạo. Nhưng Luật Khí tượng thủy văn đã quy định việc phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Thủ tướng Chính phủ, đồng thời, có văn bản quy định chi tiết.

b) Hướng xử lý:

Vấn đề liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung Điều 57 Luật Tài nguyên nước theo hướng việc gây mưa nhân tạo được thực hiện theo pháp luật về khí tượng thủy văn, cụ thể như sau: Việc gây mưa nhân tạo phải căn cứ vào nhu cầu về nước của vùng thiếu nước và điều kiện cho phép để quyết định biện pháp, quy

mô hợp lý và phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn.

## V. NHÓM CÁC LUẬT VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

### 1. Luật Tổ chức Chính phủ

#### a) Nội dung vướng mắc, chồng chéo

Tại Điều 74 Luật Tài nguyên nước quy định về Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước, trong đó, giao Chính phủ thành lập và Thủ tướng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng, cụ thể như sau:

#### **“Điều 74. Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước**

1. Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước do Chính phủ thành lập để tư vấn cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong những quyết định quan trọng về tài nguyên nước thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Thủ tướng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước.”.

Tuy nhiên, theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, việc thành lập các cơ quan phối hợp liên ngành để tư vấn cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ không thuộc thẩm quyền của Chính phủ mà thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Tại khoản 10 Điều 28 của Luật Tổ chức Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ như sau:

“10. Quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan, tổ chức khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quyết định thành lập hội đồng, Ủy ban hoặc ban khi cần thiết để giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp giải quyết những vấn đề quan trọng liên ngành.”.

Như vậy, Luật Tài nguyên nước giao Chính phủ thành lập Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước là chưa phù hợp, không thống nhất về thẩm quyền thành lập Hội đồng với Luật Tổ chức Chính phủ. Hơn nữa, theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả quy định “*Không lồng ghép các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế vào các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thuộc lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước*”. Do đó, quy định việc thành lập Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước trong Luật Tài nguyên nước không còn phù hợp với pháp luật hiện hành.

#### b) Hướng xử lý:

Vấn đề liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Tổ chức Chính phủ thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị Quốc hội xem xét bỏ quy định tại Điều 74 (Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước) trong Luật Tài nguyên nước.

## 2. Luật Tổ chức chính quyền địa phương

### a) Nội dung vướng mắc, chông chéo

Tại khoản 2 Điều 71 của Luật Tài nguyên nước quy định trách nhiệm chung của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã. Do đó, nhiều quy định không rõ cơ quan nào có thẩm quyền thực hiện, gây khó khăn trong thực tế triển khai tại địa phương.

Trong khi đó, theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm không giống nhau. Theo quy định của Luật thì việc quản lý sông hồ, tài nguyên nước thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện: “*Tổ chức thực hiện ngân sách huyện; thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, mạng lưới giao thông, thủy lợi, xây dựng điểm dân cư nông thôn; quản lý và sử dụng đất đai, rừng núi, sông hồ, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, tài nguyên thiên nhiên khác; bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.*” (khoản 3 Điều 28). Ủy ban nhân dân cấp xã không được giao nhiệm vụ, quyền hạn quản lý sông hồ, tài nguyên nước nhưng được “*Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân xã.*” (khoản 3 Điều 35). Như vậy, quy định tại khoản 2 Điều 71 của Luật Tài nguyên nước không phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

### b) Hướng xử lý:

Vấn đề liên quan đến tính đồng bộ của Luật Tài nguyên nước và Luật Tổ chức chính quyền địa phương thuộc thẩm quyền giải quyết của Quốc hội. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo kiến nghị Quốc hội xem xét, quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện và nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã thành 2 khoản riêng biệt như đề xuất trong dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**